

Số: *25* /2021/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày *23* tháng *7* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư
và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn
vốn nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *15* tháng *8* năm 2021.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định:

ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi khoản 3 Điều 3 quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

c) Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc sửa đổi một số điều quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công Thương, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng của tỉnh, huyện, thành phố; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- V, C, CB;
- Lưu: VT, Kt2.

(báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Tiến Dũng

1950

1950



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: *25/2021/QĐ-UBND* ngày *23* tháng *7* năm *2021* của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm các nội dung sau:

1. Quy định về giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án có cấu phần xây dựng;
2. Quy định về quyết định chủ trương đầu tư dự án;
3. Quy định về quyết định đầu tư dự án;
4. Quy định về phân công thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở;
5. Quy định về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;
6. Quy định về trách nhiệm phối hợp trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động đầu tư công, hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

Chương II QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Điều 3. Về giao nhiệm vụ Chủ đầu tư dự án có cấu phần xây dựng

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Lai Châu, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh Lai Châu, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là các Ban QLDA

đầu tư xây dựng chuyên ngành của tỉnh): Làm Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện): Làm Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư và dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (trong trường hợp được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định).

3. Trường hợp không có Ban quản lý dự án hoặc có Ban quản lý dự án nhưng không đủ điều kiện thực hiện thì người quyết định đầu tư giao cơ quan, tổ chức có kinh nghiệm, năng lực quản lý làm Chủ đầu tư.

Điều 4. Quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật Đầu tư công.

3. Trường hợp Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cùng cấp tiến hành các trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cấp tỉnh quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Đầu tư công.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Đầu tư công.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C do cấp xã quản lý, trừ dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 của Luật Đầu tư công.

Điều 6. Phân công, phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

quyết định đầu tư thì Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng (trừ dự án nhóm A) theo chuyên ngành quản lý, cụ thể như sau:

- Sở Xây dựng đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị);

- Sở Giao thông vận tải đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý);

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Sở Công Thương đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng quản lý);

Đối với dự án có công năng phục vụ hỗn hợp gồm nhiều loại công trình khác nhau, thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn được xác định theo chuyên ngành quản lý đối với mục tiêu chính của công trình.

2. Đối với dự án có cấu phần xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư:

- Phân cấp cho phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phân công cho các phòng, ban, bộ phận chuyên môn chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư trên cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

Điều 7. Quy định về phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với:

a) Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư.

b) Các dự án hoặc thành phần trong dự án quan trọng quốc gia và các dự án

quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và giao cho cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với:

a) Các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

b) Các dự án hoặc thành phần trong dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và giao cho cấp huyện quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

4. Thời gian thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

a) Dự án nhóm A: Không quá 180 ngày.

b) Dự án nhóm B: Không quá 75 ngày.

c) Dự án nhóm C: Không quá 45 ngày.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

1. Căn cứ danh mục dự án được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đến Hội đồng thẩm định (đối với dự án nhóm A), hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đến Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án nhóm B, nhóm C) để thẩm định theo quy định.

2. Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư, đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi lại Hội đồng thẩm định hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương đầu tư đối với tất cả các dự án nhóm B, nhóm C.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hướng dẫn các Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung về công tác giao nhiệm vụ chủ đầu tư, công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị khác liên quan

Tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án đầu tư theo đúng thẩm quyền, đúng thời gian khi nhận được văn bản đề nghị tham gia thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Ngoài trách nhiệm tại Điều 10 của Quy định này, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban, cấp xã trong việc lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án do cấp mình quyết định đầu tư.

Điều 12. Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư dự án

1. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư

- a) Dự án nhóm A: Không quá 30 ngày.
- b) Dự án nhóm B: Không quá 10 ngày.
- c) Dự án nhóm C: Không quá 07 ngày.

2. Thời gian tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của các cơ quan, đơn vị có liên quan

- a) Dự án nhóm A: Không quá 10 ngày;
- b) Dự án nhóm B: Không quá 07 ngày.
- c) Dự án nhóm C: Không quá 05 ngày.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG VIỆC LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

Điều 13. Trách nhiệm của các Chủ đầu tư

1. Đối với các dự án có cấu phần xây dựng:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (bao gồm cả các dự án điều chỉnh) đến Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thẩm định.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế xây

dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại các khoản 24, 25 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

2. Đối với các dự án không có cấu phần xây dựng: Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định theo quy định.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức kiểm tra ít nhất một lần đối với dự án có thời gian thực hiện trên 12 tháng; tổ chức kiểm tra khi điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, mục tiêu, quy mô, tăng tổng mức đầu tư và trường hợp cần thiết khác.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng (*bao gồm cả các dự án điều chỉnh*), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đầu tư dự án.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng/Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của các dự án có cấu phần xây dựng theo nội dung quy định (*bao gồm cả các dự án điều chỉnh*).

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương điều chỉnh dự án trong trường hợp điều chỉnh dự án có cấu phần xây dựng nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư của dự án.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn các Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện công tác thẩm định, phê duyệt dự án có cấu phần xây dựng và công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện quy định này; tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này (nếu có).

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm hướng dẫn các Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan

Tham gia thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với các dự án theo chức năng nhiệm vụ quản lý của đơn vị nếu nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Ngoài trách nhiệm tại Điều 17 của Quy định này, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phân công cho các phòng, ban, bộ phận chuyên môn chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư trên cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ đối với các dự án có cấu phần xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Điều 19. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

1. Thời gian thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng

- a) Dự án nhóm A: Không quá 30 ngày.
- b) Dự án nhóm B: Không quá 15 ngày.
- c) Dự án nhóm C: Không quá 07 ngày.

2. Thời gian tham gia ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng

- a) Dự án nhóm A: Không quá 10 ngày.
- b) Dự án nhóm B: Không quá 07 ngày.
- c) Dự án nhóm C: Không quá 05 ngày.

3. Thời gian thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

- a) Công trình cấp đặc biệt và cấp I: Không quá 25 ngày.
- b) Công trình cấp II và cấp III: Không quá 10 ngày.
- c) Công trình còn lại: Không quá 07 ngày.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đầu tư công và các quy định khác của pháp luật có liên quan tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư trước

thời điểm có hiệu lực của Quy định này thì các công việc tiếp theo của dự án được thực hiện theo quy định tại Quy định này.

2. Đối với các dự án chưa được phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư khi quy định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Quy định này.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các chủ đầu tư và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện quy định này.

2. Đối với các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019, Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Chủ đầu tư (Ban quản lý dự án) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, sửa đổi./.

